ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 36 /2021/QĐ-UBND	*Kon Tum, ngày18 tháng11năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước của tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng công trình và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 93/TTr-SKHĐT ngày 01 tháng 11 năm 2021 và Công văn số 3134/SKHĐT-TH ngày 09 tháng 11 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước của tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2021 và thay thế Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành quy định một số nội dung về công tác quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước của tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy định ban hành kèm theo Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Tư pháp *(Cục Kiểm tra VBQPPL)* (b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Kho bạc nhà nước tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- Sở Nội vụ *(Văn thư - Lưu trữ)*;
- Báo Kon Tum;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, HTKT.TVL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Lê Ngọc Tuấn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Một số nội dung về quản lý dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước của tỉnh Kon Tum

(Ban hành kèm theo Quyết định số 36 /2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum về:

a) Nội dung và thẩm quyền thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, dự án đầu tư, thiết kế cơ sở;

b) Nội dung và thẩm quyền thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết và dự toán;

c) Phân cấp trong công tác thẩm định dự án, thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở; thiết kế chi tiết và dự toán.

2. Quy định này không áp dụng đối với các trường hợp sau:

a) Các hoạt động sửa chữa công trình, thiết bị công trình có tổng mức vốn đầu tư dưới 500 triệu đồng sử dụng nguồn vốn nhà nước ngoài đầu tư công *(thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 35 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ).*

b) Các hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên có mức kinh phí trên 200 triệu đồng đến 15 tỷ đồng để thiết lập mới, mở rộng hoặc nâng cấp cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu *(thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ).*

c) Các dự án khẩn cấp.

d) Các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ thực hiện các nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh tại khoản 1 Điều 1 Quy định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Dự án sử dụng vốn nhà nước là dự án sử dụng vốn đầu tư công và dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công.

2. Dự án sử dụng vốn đầu tư công là dự án có sử dụng vốn đầu tư công.

3. Vốn đầu tư công bao gồm: Vốn ngân sách nhà nước; vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật, quy định của Luật đầu tư công.

4. Vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước gồm:

a) Vốn ngân sách trung ương chi cho đầu tư phát triển thuộc ngân sách trung ương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Vốn ngân sách địa phương chi cho đầu tư phát triển thuộc ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

c) Vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương để đầu tư chương trình, dự án đầu tư công theo nhiệm vụ cụ thể được cấp có thẩm quyền quyết định.

5. Vốn nhà nước ngoài đầu tư công bao gồm các nguồn: Chi thường xuyên, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư, các nguồn vốn khác có nguồn gốc từ nhà nước (*ngoài nguồn vốn quy định tại khoản 3 Điều này*) được bố trí để thực hiện dự án đầu tư.

6. Cơ quan quản lý công trình xây dựng chuyên ngành là cơ quan chuyên môn về xây dựng được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổ chức thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc chuyên ngành, cụ thể:

a) Sở Xây dựng đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng dân dụng; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng; dự án đầu tư xây dựng công nghiệp nhẹ, công nghiệp vật liệu xây dựng, hạ tầng kỹ thuật và đường bộ trong đô thị *(trừ đường Quốc lộ qua đô thị)*.

b) Sở Giao thông vận tải đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông *(trừ dự án, công trình do Sở Xây dựng quản lý quy định tại điểm a khoản này)*.

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn.

d) Sở Công Thương đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp *(trừ dự án, công trình do Sở Xây dựng quản lý quy định tại điểm a khoản này)*.

đ) Ban Quản lý Khu kinh tế đối với dự án, công trình được đầu tư xây

dựng tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế được giao quản lý.

7. Cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo các ngành, lĩnh vực được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

8. Thẩm định dự án là việc thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

Điều 4. Một số quy định chung khác

1. Đối với dự án có cấu phần xây dựng, có nhiều hạng mục đầu tư thuộc các chuyên ngành khác nhau, thì cơ quan quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có hạng mục công trình có giá trị tổng mức đầu tư hoặc tổng dự toán lớn nhất chủ trì phối hợp với các cơ quan quản lý công trình xây dựng chuyên ngành khác tổ chức thẩm định các nội dung theo quy định tại Điều 6 và Điều 8 Quy định này; tổng hợp kết quả thẩm định gửi chủ đầu tư và cơ quan chủ trì thẩm định dự án (*trường hợp thẩm định dự án*).

2. Đối với dự án do các cơ quan quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Quy định này không đồng thời là cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, khi chủ trì tổ chức thẩm định dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan trước khi tổ chức thẩm định.

3. Đối với dự án có sử dụng ngân sách cấp huyện, cấp xã tham gia đối ứng vào dự án do cấp tỉnh quản lý, hồ sơ trình cơ quan đầu mối tham mưu chủ trương đầu tư phải có ý kiến thống nhất của Hội đồng nhân dân cùng cấp về phần ngân sách cấp huyện, cấp xã tham gia đối ứng dự án.

4. Người được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền quyết định đầu tư, ủy quyền phê duyệt quyết toán thì có quyền phê duyệt điều chỉnh dự án, quyết toán trong phạm vi tổng mức đầu tư được ủy quyền phê duyệt.

5. Đối với các dự án có yêu cầu về phương án thiết kế công nghệ thuộc trường hợp hạn chế chuyển giao theo quy định tại Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ, cơ quan chủ trì thẩm định dự án gửi lấy ý kiến Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định phương án thiết kế công nghệ của dự án trước khi trình người có thẩm quyền quyết định đầu tư.

CHƯƠNG II

NỘI DUNG VÀ THẨM QUYỀN THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ, DỰ ÁN ĐẦU TƯ, THIẾT KẾ CƠ SỞ

Điều 5. Cơ quan đầu mối tham mưu chủ trương đầu tư dự án sử dụng vốn nhà nước do địa phương quản lý

1. Đối với dự án nhóm A (*trừ dự án quy định tại khoản 4 Điều này*): Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội

đồng thẩm định do Chủ tịch hoặc một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng thẩm định, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư là Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng thẩm định và các sở, ban ngành liên quan là thành viên để thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; nguồn vốn và khả năng cân đối vốn (*thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân tỉnh*), báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét về chủ trương đầu tư.

2. Đối với dự án nhóm B, nhóm C do cấp tỉnh quản lý: Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối trong việc tham mưu chủ trương đầu tư; chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn cho dự án (*thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân tỉnh*), báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét về chủ trương đầu tư.

3. Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của cấp huyện, cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao cho các phòng, ban, bộ phận chuyên môn của cấp mình làm đầu mối để tổ chức thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn cho dự án, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo quy định.

4. Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập: Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức thẩm định theo quy định tại khoản 3 Điều 6 của Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ.

Trường hợp cần thiết, thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập lấy ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan làm cơ sở để xem xét, quyết định.

Điều 6. Nội dung, thẩm quyền thẩm định dự án có cấu phần xây dựng do địa phương quản lý

1. Nội dung thẩm định dự án của người quyết định đầu tư được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 57 của Luật Xây dựng được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.

a) Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm chủ trì thẩm định các nội dung trên; đồng thời kiểm tra, rà soát và tổng hợp kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng; ý kiến của các cơ quan thực hiện chức năng quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan (*nếu có*), trình người quyết định đầu tư phê duyệt dự án, quyết định đầu tư xây dựng.

b) Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã: Trên cơ sở thẩm quyền được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp tại khoản 4 hoặc được Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho các cơ quan chuyên môn của tỉnh tại khoản 2, khoản 3 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tổ chức thẩm định dự án do mình quyết định đầu tư đảm bảo nội dung theo quy định tại Điều 57 của Luật Xây dựng được sửa đổi, bổ sung tại

khoản 14 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng trước khi xem xét quyết định đầu tư.

c) Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập: Trên cơ sở thẩm quyền được Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho các cơ quan chuyên môn của tỉnh tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức thẩm định dự án do mình quyết định đầu tư đảm bảo nội dung theo quy định tại Điều 57 của Luật Xây dựng được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng trước khi xem xét quyết định đầu tư.

Trường hợp cần thiết, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập có văn bản đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định làm cơ sở để xem xét, quyết định.

2. Cơ quan quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Quy định này tổ chức thẩm định các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật Xây dựng được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng và hướng dẫn tại Điều 12 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ (*trừ nội dung quy định tại khoản 4 Điều này*) và thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình đối với dự án chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

3. Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định thiết kế cơ sở đối với hạng mục ứng dụng công nghệ thông tin của dự án, thẩm định thiết kế chi tiết đối với hạng mục ứng dụng công nghệ thông tin của dự án chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 20 và điểm c khoản 2 Điều 22 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ.

Trường hợp hạng mục ứng dụng công nghệ thông tin thuộc dự án do Sở Thông tin và Truyền thông làm chủ đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông thành lập hội đồng thẩm định liên ngành để tổ chức thẩm định.

4. Phân cấp cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định các nội dung của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật Xây dựng được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng đối với các dự án do cấp huyện, cấp xã quản lý.

Trường hợp năng lực cấp huyện không đảm bảo để thẩm định các dự án có quy mô lớn hoặc có kết cấu phức tạp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản đề nghị cơ quan chuyên môn cấp tỉnh thẩm định.

Điều 7. Nội dung, thẩm quyền thẩm định dự án đối với dự án không có cấu phần xây dựng do địa phương quản lý

1. Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định thiết kế cơ sở đối với dự án hoặc hạng mục dự án ứng dụng công nghệ thông tin, thẩm định thiết kế chi tiết đối với dự án hoặc hạng mục của dự án ứng dụng công nghệ thông tin chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết

định đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 20 và điểm c khoản 2 Điều 22 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ.

Trường hợp hạng mục ứng dụng công nghệ thông tin thuộc dự án do Sở Thông tin và Truyền thông làm chủ đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông thành lập hội đồng thẩm định liên ngành để tổ chức thẩm định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp trên trực tiếp của chủ đầu tư (nếu có) và các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực chuyên ngành liên quan tổ chức thẩm định các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh *(trừ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này)*; đồng thời có trách nhiệm kiểm tra, rà soát, tổng hợp tham mưu người quyết định đầu tư xem xét, quyết định phê duyệt theo quy định.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã giao cơ quan, bộ phận chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tổ chức thẩm định các dự án do mình quyết định đầu tư *(trừ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này)* trước khi xem xét phê duyệt theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 29 và Điều 31 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ.

4. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức thẩm định, phê duyệt các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền và chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trường hợp cần thiết, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập có văn bản đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định làm cơ sở để xem xét, quyết định.

Chương III
NỘI DUNG, THẨM QUYỀN THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ; THIẾT KẾ CHI TIẾT VÀ DỰ TOÁN

Điều 8. Nội dung, thẩm quyền thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở đối với dự án có cấu phần xây dựng

1. Chủ đầu tư các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập do cấp tỉnh quản lý tổ chức thẩm định bước thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Xây dựng được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 24 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng với nội dung thẩm định theo quy định tại Điều 83 của Luật Xây dựng được sửa đổi, bổ sung theo khoản 25 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.

2. Cơ quan quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở với các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 83a, được bổ sung theo khoản 26 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng (*trừ các dự án quy định tại khoản 3 Điều này*) và có ý kiến về tính đúng đắn, hợp lý trong việc áp dụng định mức, đơn giá và tổng dự toán/dự toán xây dựng làm cơ sở để chủ đầu tư xem xét, phê duyệt.

3. Phân cấp cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình do cấp huyện, cấp xã quản lý (*trừ các dự án đầu tư tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế*) làm cơ sở để chủ đầu tư xem xét, phê duyệt.

Trường hợp năng lực cấp huyện không đảm bảo để thẩm định các dự án có quy mô lớn hoặc kết cấu phức tạp thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản đề nghị các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh thẩm định.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo chủ đầu tư và cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở tổ chức thẩm định đối với các dự án do cấp huyện, cấp xã quản lý theo đúng quy định.

Điều 9. Nội dung, thẩm quyền thẩm định thiết kế chi tiết, dự toán đối với dự án không có cấu phần xây dựng

1. Đối với dự án do cấp tỉnh quản lý: Cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thẩm định thiết kế chi tiết và dự toán đối với trường hợp thiết kế hai bước đối với các dự án thuộc lĩnh vực quản lý (*bao gồm các dự án do đơn vị trực tiếp làm chủ đầu tư và dự án do đơn vị trực thuộc làm chủ đầu tư*) làm cơ sở để chủ đầu tư xem xét, phê duyệt theo đúng quy định.

2. Đối với dự án do cấp huyện, cấp xã quản lý: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã giao cho đơn vị, bộ phận chuyên môn có chức năng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã chủ trì thẩm định thiết kế chi tiết và dự toán đối với trường hợp thiết kế hai bước làm cơ sở để chủ đầu tư xem xét, phê duyệt theo đúng quy định.

3. Đối với các dự án do người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định đầu tư, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định.

Trường hợp cần thiết, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập lấy ý kiến của các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan làm cơ sở để xem xét, quyết định.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Quy định chuyển tiếp

1. Dự án do cấp huyện quản lý đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh *(Ủy ban nhân dân tỉnh)* hoặc người được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền phê duyệt trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành, thì việc điều chỉnh dự án thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Dự án, thiết kế cơ sở, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đã được cơ quan quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định thông báo

kết quả thẩm định trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì không phải thẩm định lại.

Điều 11. Trách nhiệm các cơ quan liên quan

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền quyết định đầu tư dự án.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy chế phối hợp trong công tác thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và thẩm định dự án đầu tư.

2. Sở Tài chính tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền phê duyệt quyết toán hoàn thành dự án.

3. Thủ trưởng các sở, ban ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm củng cố tổ chức, phân công nội bộ, bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ và tổ chức thực hiện nghiêm túc các nội dung tại Quy định này; đồng thời chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về nội dung thực hiện của mình.

4. Thanh tra tỉnh, Thanh tra chuyên ngành có trách nhiệm tổ chức thanh tra theo quy định, phát hiện hành vi vi phạm pháp luật để xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc, các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các chủ đầu tư khác phản ảnh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh *(qua Sở Kế hoạch và Đầu tư)* để xem xét, xử lý theo quy định./.